

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢN ĐĂNG KÝ XÉT CÔNG NHẬN ĐẠT TIÊU CHUẨN

CHỨC DANH: PHÓ GIÁO SU

Mã hồ sơ:



(Nội dung đúng ở ô nào thì đánh dấu vào ô đó: ; Nội dung không đúng thì để trống:)

Đối tượng đăng ký: Giảng viên ; Giảng viên thỉnh giảng

Ngành: Dược học;

Chuyên ngành: Công nghệ Dược phẩm và Bào chế thuốc

A. THÔNG TIN CÁ NHÂN

1. Họ và tên người đăng ký: **NGUYỄN ĐỨC HẠNH**

2. Ngày tháng năm sinh: 27/3/1981; Nam ; Nữ ; Quốc tịch: Việt Nam;

Dân tộc: Kinh;

Tôn giáo: Thiên Chúa

3. Đảng viên Đảng Cộng sản Việt Nam:

4. Quê quán: Thừa Thiên Huế

5. Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú:

90/75 Vũ Tùng, Phường 2, Quận Bình Thạnh, TP. Hồ Chí Minh

6. Địa chỉ liên hệ:

Khoa Dược – Đại học Y Dược Thành Phố Hồ Chí Minh

41- 43 Đinh Tiên Hoàng, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh

Điện thoại di động: 0913.576.748;

E-mail: duchanh@ump.edu.vn

7. Quá trình công tác (công việc, chức vụ, cơ quan):

Từ 11/2004 đến 06/2006: Hợp đồng Nghiên cứu viên, Ban Nghiên cứu Khoa học – Thư viện, Khoa Dược, Đại học Y Dược Thành Phố Hồ Chí Minh.

Từ 06/2006 đến 10/2007: Tập sự Biên chế Nghiên cứu viên, Ban Nghiên cứu Khoa học – Thư viện, Khoa Dược, Đại học Y Dược Thành Phố Hồ Chí Minh

Từ 10/2007 đến 01/2014: Biên chế Nghiên cứu viên Ban Nghiên cứu Khoa học – Thư viện, Khoa Dược, Đại học Y Dược Thành Phố Hồ Chí Minh. (Trong khoảng thời gian 5/2010-7/2013 là Nghiên cứu sinh tại trường đại học Mahidol, Thái Lan, chuyên ngành Bào chế).

Từ 01/2014 đến 9/2014: Nghiên cứu viên kiêm nhiệm giảng dạy tại bộ môn Bào chế, Khoa Dược – Đại học Y Dược Thành Phố Hồ Chí Minh.

Từ 9/2014 đến 10/2015: Nghiên cứu viên kiêm nhiệm giảng dạy tại bộ môn Bào chế, Phó Trưởng Ban Nghiên cứu Khoa học - Thư viện, Khoa Dược – Đại học Y Dược Thành Phố Hồ Chí Minh.

Từ 10/2015 - 9/2017: Nghiên cứu viên kiêm nhiệm giảng dạy tại bộ môn Bào chế, Trưởng Ban Nghiên cứu Khoa học - Thư viện, Khoa Dược – Đại học Y Dược Thành Phố Hồ Chí Minh.

Từ 9/2017 - 2/2018: Nghiên cứu viên kiêm nhiệm giảng dạy tại bộ môn Bào chế, Trưởng Ban Nghiên cứu Khoa học - Thư viện, Khoa Dược – Đại học Y Dược Thành Phố Hồ Chí Minh.

Từ 3/2018 đến 01/2019: Giảng viên bộ môn Bào chế, kiêm nhiệm Trưởng Ban Nghiên cứu Khoa học - Thư viện, Khoa Dược - Đại học Y Dược Thành Phố Hồ Chí Minh.

Từ 01/2019 đến nay: Giảng viên Bộ môn Bào chế, kiêm nhiệm Phó trưởng Văn phòng Khoa, Khoa Dược - Đại học Y Dược Thành Phố Hồ Chí Minh

Chức vụ hiện nay: Giảng viên Bộ môn Bào chế, kiêm nhiệm Phó trưởng Văn phòng Khoa, Khoa Dược - Đại học Y Dược Thành Phố Hồ Chí Minh

Chức vụ cao nhất đã qua: Giảng viên Bộ môn Bào chế, kiêm nhiệm Phó trưởng Văn phòng Khoa Dược, Đại học Y Dược Thành Phố Hồ Chí Minh

Cơ quan công tác hiện nay: Khoa Dược, Đại học Y Dược Thành Phố Hồ Chí Minh

Địa chỉ cơ quan: 41-43 Đinh Tiên Hoàng, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP. HCM

Điện thoại cơ quan: 028 38295641

Thỉnh giảng tại cơ sở giáo dục đại học (nếu có):

8. Đã nghỉ hưu từ tháng - năm -

Nơi làm việc sau khi nghỉ hưu (nếu có):

Tên cơ sở giáo dục đại học nơi hợp đồng thỉnh giảng 3 năm cuối:

9. Trình độ đào tạo:

- Được cấp bằng Đại học ngày 09 tháng 11 năm 2004, ngành: Dược, chuyên ngành: Dược.
Nơi cấp bằng Đại học: Đại học Y Dược Thành Phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

- Được cấp bằng Thạc sĩ ngày 29 tháng 7 năm 2010, ngành: Dược, chuyên ngành: Bào chế và Công nghiệp Dược. Nơi cấp bằng Thạc sĩ: Đại học Y Dược Thành Phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
 - Được cấp bằng Tiến sĩ ngày 10 tháng 5 năm 2013, ngành: Dược, chuyên ngành: Bào chế. Nơi cấp bằng Tiến sĩ: Đại học Mahidol, Thái Lan.
10. Đã được bổ nhiệm/công nhận chức danh PGS ngày - tháng - năm - ngành:
11. Đăng ký xét đạt tiêu chuẩn chức danh PGS tại HĐGS cơ sở: Đại học Y Dược Thành Phố Hồ Chí Minh
12. Đăng ký xét đạt tiêu chuẩn chức danh PGS tại HĐGS ngành Dược học, chuyên ngành: Công nghệ Dược phẩm và Bào chế thuốc.
13. Các hướng nghiên cứu chủ yếu:
- a. Nghiên cứu phát triển sản phẩm từ dược liệu
 - Tiêu chuẩn hóa nguồn dược liệu đầu vào
 - Xây dựng quy trình điều chế cao chiết từ dược liệu
 - Bào chế các sản phẩm từ cao dược liệu
 - Tiêu chuẩn hóa các sản phẩm từ cao dược liệu
 - Tính an toàn và tác dụng dược lý của cao và sản phẩm từ cao dược liệu
 - b. Nghiên cứu phát triển sản phẩm từ hoạt chất tinh khiết
 - Nghiên cứu tính chất của hoạt chất như tính chất lý hóa, tính thấm qua màng sinh học...
 - Nghiên cứu cải thiện tính chất của hoạt chất bằng các công nghệ, dạng bào chế mới. Trong đó, ưu tiên tiếp cận với các công nghệ bào chế tiểu phân nano giúp nâng cao sinh khả dụng và độ ổn định của dạng bào chế như hệ vi tụy nhũ, giá mang nanolipid, hệ vi nhũ tương...
14. Kết quả đào tạo và nghiên cứu khoa học:
- Đã hướng dẫn 0 NCS bảo vệ thành công luận án TS;
 - Đã hướng dẫn 7 học viên cao học bảo vệ thành công luận văn ThS.
 - Đã hoàn thành đề tài NCKH từ cấp cơ sở trở lên: 06 đề tài cấp cơ sở (Đại học Y Dược Thành Phố Hồ Chí Minh).
 - Đã công bố 63 bài báo KH, trong đó 7 bài báo KH trên tạp chí quốc tế có uy tín;
 - Đã được cấp 0 bằng bằng độc quyền sáng chế, giải pháp hữu ích;
 - Số lượng sách đã xuất bản 0, trong đó, 0 thuộc nhà xuất bản có uy tín;
 - Số lượng tác phẩm nghệ thuật, thành tích thể dục, thể thao đạt giải thưởng quốc gia, quốc tế: 03.

15. Khen thưởng (các huân chương, huy chương, danh hiệu):

- Bằng khen của Bộ Trưởng Bộ Y Tế số 2949/QĐ-BYT ngày 16/5/2018 “Đã có thành tích xuất sắc trong công tác tổ chức nghiên cứu khoa học tuổi trẻ các trường đại học, cao đẳng Y Dược Việt Nam lần thứ XIX năm 2018”.
- Bằng khen của Bộ Trưởng Bộ Y Tế vì “Đã có thành tích xuất sắc thực hiện nhiệm vụ, kế hoạch công tác năm học 2015-2016” theo Quyết định số 1322/QĐ-BYT ngày 05/04/2017.
- Danh hiệu thi đua:

Năm	Danh hiệu thi đua	Số, ngày, tháng, năm của quyết định công nhận danh hiệu thi đua; cơ quan ban hành quyết định
2018 - 2019	Chiến sĩ thi đua cấp cơ sở	Quyết định số 4955/QĐ-ĐHYD ngày 01/11/2019; Đại học Y Dược Thành Phố Hồ Chí Minh
2017 - 2018	Chiến sĩ thi đua cấp cơ sở	Quyết định số 5227/QĐ-ĐHYD ngày 12/11/2018; Đại học Y Dược Thành Phố Hồ Chí Minh
2016 - 2017	Chiến sĩ thi đua cấp cơ sở	Quyết định số 4103/QĐ-ĐHYD ngày 29/09/2017; Đại học Y Dược Thành Phố Hồ Chí Minh
2015 – 2016	Chiến sĩ thi đua cấp cơ sở	Quyết định số 4652/QĐ-ĐHYD ngày 28/11/2016; Đại học Y Dược Thành Phố Hồ Chí Minh
2014 – 2015	Chiến sĩ thi đua cấp cơ sở	Quyết định số 4240/QĐ-ĐHYD-TCCB ngày 09/11/2015; Đại học Y Dược Thành Phố Hồ Chí Minh
2013 – 2014	Chiến sĩ thi đua cấp cơ sở	Quyết định số 4291/QĐ-TC-HC ngày 31/10/2014; Đại học Y Dược Thành Phố Hồ Chí Minh

- Giấy khen Đại học Y Dược Thành Phố Hồ Chí Minh: số 3957/YD-KT ngày 13/10/2016 “Đã có nhiều thành tích trong công tác xây dựng và phát triển Đại học Y Dược TP.HCM trong giai đoạn 1976-2016”.
- Giấy khen Đại học Y Dược Thành Phố Hồ Chí Minh: số 4720/YD-KT ngày 5/12/2016 “Đã có nhiều thành tích trong công tác xây dựng và phát triển Đại học Y Dược TP.HCM từ năm 2014 đến năm 2016”.
- Giấy khen của Ban chấp hành trung ương Đoàn thanh niên cộng sản Hồ Chí Minh, số 283-QĐ/TWĐTN, ngày 19/05/2016: Giải nhất “Hội nghị khoa học – công nghệ tuổi trẻ các trường Đại học, cao đẳng Y Dược Việt Nam lần thứ 18”.
- Giấy khen của Liên hiệp các hội Khoa học và Kỹ thuật TP.HCM số 12-11/QĐ-HT/LHH/2011, ngày 03/06/2011: Giải nhất Hội thi sáng tạo kỹ thuật Thành phố Hồ Chí Minh.
- Giấy khen của Ban chấp hành trung ương Đoàn thanh niên cộng sản Hồ Chí Minh, số 205/QĐ/TWĐTN, ngày 13/05/2010: Giải ba Hội nghị Khoa học Kỹ Thuật tuổi trẻ các

trường Y Dược Việt Nam lần 15”.

- Giấy khen của Ban chấp hành Công đoàn khối cơ sở Bộ Y Tế số 04/QĐ-KT ngày 18/01/2010 vì đã có thành tích xuất sắc trong phong trào thi đua và hoạt động Công đoàn năm 2009.

- Giấy khen của Hiệu trưởng Đại học Y Dược Thành phố Hồ Chí Minh ngày 15/01/2010: Giải 3 Hội nghị Khoa học Công nghệ tuổi trẻ Đại học Y Dược Thành phố Hồ Chí Minh.

16. Kỷ luật: Không.

B. TỰ KHAI THEO TIÊU CHUẨN CHỨC DANH PHÓ GIÁO SƯ

1. Tự đánh giá về tiêu chuẩn và nhiệm vụ của nhà giáo:

Tự đánh giá bản thân đạt yêu cầu tiêu chuẩn và nhiệm vụ của nhà giáo. Tôi đã thực hiện đầy đủ nhiệm vụ giảng dạy và nghiên cứu khoa học trong lĩnh vực Công nghệ Dược phẩm – Bào chế, thường xuyên công bố các công trình nghiên cứu khoa học trên các tạp chí chuyên ngành. Các đề tài cấp cơ sở (Đại học Y Dược Thành phố Hồ Chí Minh) được thực hiện và nghiệm thu đạt yêu cầu. Bên cạnh đó, tôi đã tham gia hướng dẫn sinh viên thực hiện đề tài tốt nghiệp Dược sĩ đại học và học viên cao học thực hiện đề tài tốt nghiệp Thạc sĩ.

2. Thời gian tham gia đào tạo, bồi dưỡng từ trình độ đại học trở lên (*):

- Tổng số 07 năm (từ 2014 đến 2020).

- Khai cụ thể ít nhất 6 năm học, trong đó có 3 năm học cuối tính đến ngày hết hạn nộp hồ sơ

TT	Năm học	Số lượng NCS đã hướng dẫn		Số lượng ThS/CK2/BSNT đã hướng dẫn	Số đề án, khóa luận tốt nghiệp ĐH đã HD	Số lượng giờ giảng dạy trực tiếp trên lớp		Tổng số giờ giảng trực tiếp/giờ quy đổi/Số giờ định mức
		Chính	Phụ			ĐH	SĐH	
1	2014-2015	0	0	0	2	0	0	0/50/135 (Nghiên cứu viên tham gia giảng dạy)
2	2015-2016	0	0	2	2	0	0	0/150/135 (Nghiên cứu viên tham gia giảng dạy)
3	2016-2017	0	0	0	3	0	0	0/50/135 (Nghiên cứu viên tham gia giảng dạy)
3 năm học cuối								
4	2017-2018	0	0	3	2	410	0	410/508,2/270
5	2018-2019	0	0	2	3	395	0	395/385,2/270
6	2019-2020	0	0	1	2	284	0	284/307/270

(*) - Trước ngày 25/3/2015, theo Quy định chế độ làm việc đối với giảng viên ban hành kèm theo Quyết định số 64/2008/QĐ-BGDĐT ngày 28/11/2008, được sửa đổi bổ sung bởi Thông tư số 36/2010/TT-BGDĐT ngày 15/12/2010 và Thông tư số 18/2012/TT-BGDĐT ngày 31/5/2012 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT.

- Từ 25/3/2015 đến nay, theo Quy định chế độ làm việc đối với giảng viên ban hành kèm theo Thông tư số 47/2014/TT-BGDĐT ngày 31/12/2014 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT.

3. Ngoại ngữ:

3.1. Ngoại ngữ thành thạo phục vụ chuyên môn: Tiếng Anh

a) Được đào tạo ở nước ngoài:

Bảo vệ luận án TS ; tại nước: Thái Lan, năm 2013.

b) Được đào tạo ngoại ngữ trong nước:

- Trường ĐH cấp bằng tốt nghiệp ĐH ngoại ngữ: - số bằng: - ; năm cấp:

c) Giảng dạy bằng tiếng nước ngoài:

- Giảng dạy bằng ngoại ngữ:

- Nơi giảng dạy (cơ sở đào tạo, nước):

d) Đối tượng khác ; Diễn giải:

3.2. Tiếng Anh (văn bằng, chứng chỉ):

Bằng C tiếng Anh (năm 2001) và IELTS 6.0 (năm 2010).

4. Hướng dẫn NCS, HVCH/CK2/BSNT đã được cấp bằng/có quyết định cấp bằng

TT	Họ tên NCS hoặc HVCH/CK2/BSNT	Đối tượng		Trách nhiệm hướng dẫn		Thời gian hướng dẫn từ ... đến ...	Cơ sở đào tạo	Ngày, tháng, năm được cấp bằng/có quyết định cấp bằng
		NCS	HVCH/CK2/BSNT	Chính	Phụ			
1	Nguyễn Thị Thu Thùy		HVCH	<input checked="" type="checkbox"/>		24/10/2018 - 25/12/2019	Đại học Y Dược Thành phố Hồ Chí Minh	25/12/2019
2	Phan Thanh Duy		HVCH		<input checked="" type="checkbox"/>	28/03/2019 - 25/12/2019	Đại học Y Dược Thành phố Hồ Chí Minh	25/12/2019
3	Nguyễn Ngọc Thạch		HVCH	<input checked="" type="checkbox"/>		22/0/2018 - 26/12/2018	Đại học Y Dược Thành phố Hồ Chí Minh	26/12/2018
4	Nguyễn Đăng Khoa		HVCH	<input checked="" type="checkbox"/>		22/1/2018 - 26/12/2018	Đại học Y Dược Thành phố Hồ Chí Minh	26/12/2018
5	Lê Thị Ngọc Anh		HVCH	<input checked="" type="checkbox"/>		22/1/2018 - 26/12/2018	Đại học Y Dược Thành phố Hồ Chí Minh	26/12/2018
6	Lê Thị Thanh Nga		HVCH	<input checked="" type="checkbox"/>		25/11/2016 - 18/12/2017	Đại học Y Dược Thành phố Hồ Chí Minh	18/12/2017
7	Lê Đình Nguyên		HVCH	<input checked="" type="checkbox"/>		25/11/2016 - 26/12/2018	Đại học Y Dược Thành phố Hồ Chí Minh	26/12/2018

Ghi chú: Ứng viên chức danh GS chỉ kê khai thông tin về hướng dẫn NCS.

5. Biên soạn sách phục vụ đào tạo từ trình độ đại học trở lên

TT	Tên sách	Loại sách (CK, GT, TK, HD)	Nhà xuất bản và năm xuất bản	Số tác giả	Chủ biên	Phản biên soạn (từ trang ... đến trang)	Xác nhận của cơ sở GDĐH (số văn bản xác nhận sử dụng sách)
1	-	-	-	-	-	-	-

Trong đó, số lượng (ghi rõ các số TT) sách chuyên khảo do nhà xuất bản có uy tín xuất bản và chương sách do nhà xuất bản có uy tín trên thế giới xuất bản sau PGS/TS: -

Lưu ý:

- Tách thành 2 giai đoạn: Trước và sau khi bảo vệ luận án TS đối với ứng viên chức danh PGS; trước và sau khi được công nhận chức danh PGS đối với ứng viên chức danh GS;
- Chỉ kê khai các sách được phép xuất bản (Giấy phép XB/Quyết định xuất bản/số xuất bản), nộp lưu chiểu, ISBN (nếu có).
- **Các chữ viết tắt:** CK: sách chuyên khảo; GT: sách giáo trình; TK: sách tham khảo; HD: sách hướng dẫn; phần ứng viên biên soạn cần ghi rõ từ trang.... đến trang..... (ví dụ: 17-56; 145-329).

6. Thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ đã nghiệm thu

TT	Tên nhiệm vụ khoa học và công nghệ (CT, ĐT...)	CN/PCN/TK	Mã số và cấp quản lý	Thời gian thực hiện	Thời gian nghiệm thu (ngày, tháng, năm)/Xếp loại KQ
Trước khi bảo vệ luận án Tiến sĩ					
-	-	-	-	-	-
Sau khi bảo vệ luận án Tiến sĩ					
1	ĐT: Nghiên cứu mối liên quan nhân quả và tối ưu hóa công thức viên nén dập trực tiếp Đỗ trọng – Dành dành	CN	2018 3 3 92 (Đại học Y Dược Thành Phố Hồ Chí Minh)	10/2018 – 10/2019	2019 (10/5/2019)/Khá
2	ĐT: Xây dựng và thẩm định quy trình định lượng đồng thời geniposid và pinoselinol diglucosid trong viên nén Dành dành – Đỗ trọng bằng HPLC	CN	2018 3 3 91 (Đại học Y Dược Thành Phố Hồ Chí Minh)	10/2018 – 10/2019	2019 (13/5/2019)/Khá
3	ĐT: Ảnh hưởng của tá dược trên tính chất viên nén dập thẳng chứa cao khô lá Dó bầu (<i>Aquilaria crassna</i>)	CN	2017 3 3 244 (Đại học Y Dược Thành Phố Hồ Chí Minh)	10/2017 – 10/2018	2018 (03/5/2018)/Xuất sắc
4	ĐT: Nghiên cứu điều chế và hóa rắn hệ vi tụy nhũ chứa exemestane	CN	2017 3 3 243 (Đại học Y Dược Thành Phố Hồ Chí Minh)	10/2017 – 10/2018	2018 (03/5/2018)/Xuất sắc
5	ĐT: Ảnh hưởng của tá dược trên tính chất giá mang nano lipid chứa exemestane	CN	2016 3 3 221 (Đại học Y Dược Thành Phố Hồ Chí Minh)	10/2016 – 10/2017	2017 (12/10/2017)/ Xuất sắc

6	ĐT: Xây dựng quy trình định lượng đồng thời sinensetin và phyllanthin trong viên nang Râu mèo – Diệt hạ châu bằng phương pháp HPLC	CN	2016 3 3 220 (Đại học Y Dược Thành Phố Hồ Chí Minh)	10/2016 – 10/2017	2017 (04/10/2017)/Khá
---	------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------	----	--------------------------------------------------------------	-------------------------	--------------------------

Lưu ý:

- Tách thành 2 giai đoạn: Trước và sau khi bảo vệ luận án TS đối với ứng viên chức danh PGS; trước và sau khi được công nhận chức danh PGS đối với ứng viên chức danh GS;

- **Các chữ viết tắt:** CT: Chương trình; ĐT: Đề tài; CN: Chủ nhiệm; PCN: Phó chủ nhiệm; TK: Thư ký.

7. Kết quả nghiên cứu khoa học và công nghệ đã công bố (bài báo khoa học, sáng chế/giải pháp hữu ích, giải thưởng quốc gia/quốc tế)

7.1. Bài báo khoa học, báo cáo khoa học đã công bố

TT	Tên bài báo/báo cáo KH	Số tác giả	Là tác giả chính	Tên tạp chí hoặc kỷ yếu khoa học/ISSN hoặc ISBN	Loại Tạp chí quốc tế uy tín: ISI, Scopus (IF, Qi)	Số lần trích dẫn (không tính tự trích dẫn)	Tạp, số, trang	Năm công bố
Tạp chí quốc tế (Trước khi bảo vệ học vị tiến sĩ tháng 05/ 2013)								
1	<i>In vitro</i> intestinal transport of phyllanthin across Caco-2 cell monolayer	3	Tác giả chính	Journal of Drug Delivery Science and Technology /1773 - 2247	ISI (SCIE) Scopus IF: 2,606 (năm 2018/2019)	4	23, 3, 207-214	2013
Tạp chí quốc tế (Sau khi bảo vệ học vị tiến sĩ tháng 05/ 2013)								
2	Physicochemical characterization of phyllanthin from <i>Phyllanthus amarus</i> Schum. et. Thonn.	3	Tác giả chính	Drug Development and Industrial Pharmacy /0363 - 9045	ISI (SCIE) Scopus IF: 2,367 (năm 2018/2019)	7	40, 6, 793-802	2014
3	Development of phyllanthin-loaded self-microemulsifying drug delivery system for oral bioavailability enhancement	5	Tác giả chính	Drug Development and Industrial Pharmacy /0363 - 9045	ISI (SCIE) Scopus IF: 2,367 (năm 2018/2019)	18	41, 2, 207-217	2015
4	Study on cause – effect relations and optimization of tablets containing <i>Aquilaria crassna</i> spray-dried extract	5	Tác giả chính	International Journal of Pharmacy and Pharmaceutical Sciences /0975-1491	Scopus Q3 (năm 2017)		9, 10, 312-317	2017
5	Study on cause – effect relations and optimization of exemestane – loaded nanostructured lipid carriers	3	Tác giả chính	International Journal of Pharmacy and Pharmaceutical Sciences /0975-1491	Scopus Q3 (năm 2017)	5	9, 5, 68-74	2017

6	Cause – effect relations and optimization of tablet containing <i>Eucommia ulmoides</i> and <i>Gardenia jasminoides</i> spray-dried extracts	4	Tác giả chính	International Journal of Pharmacy and Pharmaceutical Sciences /0975-1491			19, 7, 33-40	2018
7	Development and evaluation of neem gel formulation using gum karaya as gelling agent	3	Tác giả chính	Research Journal of Pharmacy and Technology / 0974 - 3618	Scopus Q3 (năm 2019)		13, 4, 1861-1866	2020
Tạp chí trong nước (Trước khi bảo vệ học vị tiến sĩ tháng 05/ 2013)								
8	Nghiên cứu hợp chất polyphenol từ cây Nhân trần tía <i>Adenosma bracteosum</i>	3	Tác giả chính	Tạp chí Dược liệu / 0868 - 3859			13, 1, 5-12	2008
9	Anti-obesity effects of two herbal recipes in mice	4		Tạp chí Dược liệu / 0868 - 3859			13, 6, 280-284	2008
10	Xây dựng quy trình chiết xuất cao khô Diệp hạ châu <i>Phyllanthus amarus</i> Schum. & Thonn	3	Tác giả chính	Tạp chí Y học TP. HCM / 1859 - 1779			Phụ bản 13, 1, 263-267	2009
11	Đánh giá chất lượng sâm Việt Nam di thực	7		Tạp chí Y học TP. HCM / 1859 - 1779			Phụ bản 13, 1, 96-102	2009
12	HPLC quantitative determination of majonoside-R2 in Vietnamese Ginseng	3	Tác giả chính	Tạp chí Dược liệu / 0868 - 3859			15, 4, 219-222	2010
13	Xây dựng quy trình chiết xuất cao nghệ <i>Curcuma longa</i> L.	3	Tác giả chính	Tạp chí Y học TP. HCM / 1859 - 1779			Phụ bản 14, 1, 140-144	2010
Tạp chí trong nước (Sau khi bảo vệ học vị tiến sĩ tháng 05/ 2013)								
14	Nghiên cứu tiêu chuẩn hóa viên nang mềm Ama Kông	4	Tác giả chính	Tạp chí Y học TP. HCM / 1859 - 1779			Phụ bản 19, 3, 716-722	2015
15	Xây dựng và thẩm định phương pháp HPLC định lượng mangiferin trong lá Dó bầu (<i>Aquilaria crassna</i>)	4	Tác giả chính	Tạp chí Y học TP. HCM / 1859 - 1779			Phụ bản 19, 3, 712-716	2015
16	Xây dựng và thẩm định phương pháp HPLC định lượng mangiferin trong bột sấy phun lá Dó bầu	4	Tác giả chính	Tạp chí Y học TP. HCM / 1859 - 1779			Phụ bản 20, 2, 359-364	2016
17	Nghiên cứu xây dựng công thức hệ tự nhũ tạo vi nhũ tương phyllanthin sử dụng dầu Gấc làm tá dược pha dầu	2	Tác giả chính	Tạp chí Y học TP. HCM / 1859 - 1779			Phụ bản 20, 2, 285-292	2016
18	Xây dựng công thức và đánh giá tính chất giá mang nano lipid chứa phyllanthin	2	Tác giả chính	Tạp chí Y học TP. HCM / 1859 - 1779			Phụ bản 20, 2, 278-284	2016

19	Xây dựng quy trình định lượng đồng thời sinensetin và phyllanthin trong viên nang Râu mèo – Diệp hạ châu bằng phương pháp HPLC	4	Tác giả chính	Tạp chí Y học TP. HCM / 1859 - 1779		Phụ bản 21, 1, 360-367	2017
20	Xây dựng và thẩm định quy trình định lượng pinoresinol diglucosid trong cao khô Đỗ trọng bằng phương pháp HPLC	4		Tạp chí Dược học / 0866 - 7861		58, 511, 60-64	2018
21	Nghiên cứu mối liên quan nhân quả và tối ưu hóa quy trình chiết xuất dược liệu Ngải trắng	6	Tác giả chính	Tạp chí Dược học / 0866 - 7861		58, 509, 45-48	2018
22	Xây dựng và thẩm định quy trình định lượng đồng thời curdion và germacron trong cao Ngải trắng	3	Tác giả chính	Tạp chí Dược học / 0866 - 7861		58, 508, 37-41	2018
23	Xây dựng và thẩm định quy trình định lượng đồng thời epimedin C và icariin trong cao Dâm dương hoắc	4	Tác giả chính	Tạp chí Dược học / 0866 - 7861		58, 507, 54-58	2018
24	Xây dựng và thẩm định phương pháp HPLC định lượng sinensetin trong cao khô sậy phun Râu mèo	5	Tác giả chính	Tạp chí Y học TP. HCM / 1859 - 1779		22, 5, 123-128	2018
25	Nghiên cứu mối liên quan nhân quả và tối ưu hóa công thức giá mang nano lipid chứa mangiferin	3	Tác giả chính	Tạp chí Dược học / 0866 - 7861		58, 505, 44-49	2018
26	Nghiên cứu điều chế và hóa rắn hệ vi tự nhũ chứa exemestane	2	Tác giả chính	Tạp chí Y học TP. HCM / 1859 - 1779		Phụ bản 22, 1, 315-324	2018
27	Phân lập một số hợp chất từ thân rễ cây Ngải trắng <i>Curcuma aromatica</i> Salisb., Zingiberaceae trồng tại An Giang	6	Tác giả chính	Tạp chí Y học TP. HCM / 1859 - 1779		Phụ bản 22, 1, 298-306	2018
28	Phân lập một số hợp chất từ dược liệu Cỏ mực và Mật nhân trong bài thuốc có tác dụng cai nghiện rượu của ông Lê Văn Lâm	6		Tạp chí Y học TP. HCM / 1859 - 1779		Phụ bản 22, 1, 293-297	2018
29	Định danh Ngải trắng tại An Giang bằng phương pháp giải trình tự	6		Tạp chí Y học TP. HCM / 1859 - 1779		Phụ bản 22, 2, 35-40	2018
30	Nghiên cứu điều chế viên nén từ cao phun sậy Dâm dương hoắc và cao phun sậy Mật nhân	7	Tác giả chính	Tạp chí Y học TP. HCM / 1859 - 1779		Phụ bản 23, 6, 19-28	2019

31	Nghiên cứu mối liên quan nhân quả và tối ưu hóa công thức viên nén dập trực tiếp chứa cao khô phun sấy Râu mèo và Diệp hạ châu	3	Tác giả chính	Tạp chí Dược học / 0866 - 7861			59, 523, 37-43	2019
32	Nghiên cứu ảnh hưởng của maltodextrin trên tính chất cao khô sấy phun Ngải trắng	2	Tác giả chính	Tạp chí Dược học / 0866 - 7861			59, 522, 33-37	2019
33	Nghiên cứu cải thiện tính chất cao khô sấy phun Ngải trắng sử dụng tá dược silicon dioxit	3	Tác giả chính	Tạp chí Dược học / 0866 - 7861			59, 521, 17-22	2019
34	Xây dựng và thẩm định quy trình định lượng zedoarondiol trong cao khô sấy phun Ngải trắng	3	Tác giả chính	Tạp chí Dược học / 0866 - 7861			59, 520, 23-27	2019
35	Xây dựng và thẩm định quy trình định lượng đồng thời quercetin và curcumin I trong vi nhũ tương Quer-Cur bằng phương pháp HPLC	2	Tác giả chính	Tạp chí Dược học / 0866 - 7861			59, 516, 37-41	2019
36	Xây dựng và thẩm định quy trình định lượng đồng thời rutin và isoquercitrin trong gel Neem bằng phương pháp HPLC	2	Tác giả chính	Tạp chí Dược học / 0866 - 7861			59, 514, 35-40	2019
37	Xây dựng quy trình định lượng đồng thời geniposid và pinoresinol diglucosid trong viên nén 2 thành phần Dành dành – Đỗ trọng bằng phương pháp HPLC	3		Tạp chí Dược học / 0866 - 7861			59, 514, 24-30	2019
38	Tối ưu hóa điều kiện chiết xuất Sâm Việt Nam	4		Tạp chí Y học TP. HCM / 1859 - 1779			Phụ bản 23, 2, 242-248	2019
39	Xây dựng quy trình định lượng zedoarondiol trong thân rễ Ngải trắng (<i>Rhizoma Curcumae aromaticae</i>) bằng phương pháp sắc ký lỏng hiệu năng cao	4	Tác giả chính	Tạp chí Y học TP. HCM / 1859 - 1779			Phụ bản 23, 2, 249-255	2019
40	Xây dựng quy trình định lượng đồng thời curdion và germacron trong thân rễ ngải trắng (<i>Rhizoma Curcumae aromaticae</i>)	7	Tác giả chính	Tạp chí Y học TP. HCM / 1859 - 1779			Phụ bản 23, 2, 256-264	2019
41	Nghiên cứu bào chế viên nang mềm Ngải trắng	3	Tác giả chính	Tạp chí Y học TP. HCM / 1859 - 1779			Phụ bản 23, 2, 265-271	2019

42	Nghiên cứu điều chế gel <i>in situ</i> nano lipid chứa mangiferin	2	Tác giả chính	Tạp chí Y học TP. HCM / 1859 - 1779			Phụ bản 23, 2, 272-278	2019
43	Ảnh hưởng của nhiệt độ và tá dược trên tính chất cao khô sấy phun lá Dó bầu (<i>Aquilaria crassna</i>)	3	Tác giả chính	Tạp chí Y học TP. HCM / 1859 - 1779			Phụ bản 23, 2, 690-697	2019
44	Xây dựng quy trình định lượng geniposid trong cao khô Dành dành bằng phương pháp HPLC	4		Tạp chí Y học TP. HCM / 1859 - 1779			Phụ bản 23, 2, 132-142	2019
45	Identification of <i>Curcuma aromatica</i> growing in Vietnam and its potential anticancer components	7		MedPharmRes /2615 - 9139			3, 12-18	2019
46	Khảo sát độc tính cấp và bán trường diễn đường uống trên chuột nhắt của viên nang cứng, viên nang mềm Ngải trắng	7		Tạp chí Dược học / 0866 - 7861			60, 525, 62-65	2020
47	Xây dựng và thẩm định quy trình định lượng eurycoumanon trong cao khô sấy phun Mật nhân bằng phương pháp HPLC-UV	5	Tác giả chính	Tạp chí Dược học / 0866 - 7861			60, 528, 85-88	2020
48	Nghiên cứu bào chế hệ phân tán nano cyclosporine A làm thuốc chống thải ghép	6		Tạp chí Y học TP. HCM / 1859 - 1779			24, 2, 227-233	2020
49	Khảo sát tác động hướng sinh dục nam của phối hợp cao Dâm dương hoắc (<i>Extractum Herba epemedii</i>) và Mật nhân (<i>Extractum eurycomae longifoliae</i>) trên chuột nhắt	7		Tạp chí Y học TP. HCM / 1859 - 1779			24, 2, 272-278	2020
50	Nghiên cứu điều chế viên nén bao phim chứa cao khô sấy phun Râu mèo và Diệp hạ châu	4	Tác giả chính	Tạp chí Y học TP. HCM / 1859 - 1779			24, 2, 221-226	2020
51	Cải thiện tính chất cao khô Ngải trắng bằng phương pháp sấy phun làm nguyên liệu dập thẳng	3	Tác giả chính	Tạp chí Y học TP. HCM / 1859 - 1779			24, 2, 193-200	2020
52	Nghiên cứu định lượng đồng thời curdion và germacron trong viên nang mềm Ngải trắng	3	Tác giả chính	Tạp chí Dược học / 0866 - 7861			60, 527, 38-43	2020
53	Nghiên cứu mối liên quan nhân quả và tối ưu hóa công thức giá mang nano lipid chứa quercetin và curcumin	4	Tác giả chính	Tạp chí Dược học / 0866 - 7861			60, 526, 23-29	2020

Ban hành kèm theo Công văn số 78/HĐGSNN ngày 29/5/2020 của Chủ tịch HĐGSNN

54	Nghiên cứu điều chế vi nhũ tương chứa đồng thời quercetin và curcumin	2	Tác giả chính	Tạp chí Dược học / 0866 - 7861			60, 525, 15-20	2020
55	Nghiên cứu mối liên quan nhân quả và tối ưu hóa quy trình chiết xuất dược liệu Mật nhân	7	Tác giả chính	Tạp chí Dược học / 0866 - 7861			60, 529, 44-48	2020
56	Khảo sát độc tính cấp và tác động giảm đau, kháng viêm của bài thuốc của Lương Y Nguyễn Thiện Chung, Tỉnh An Giang	5		Tạp chí Dược học / 0866 - 7861			60, 529, 84-88	2020
57	Xây dựng và thẩm định quy trình định lượng đồng thời quercetin và curcumin I trong giá mang nanolipid bằng phương pháp HPLC	2	Tác giả chính	Tạp chí Dược học / 0866 - 7861			60, 529, 74-79	2020
58	Xây dựng và thẩm định quy trình định lượng eurycomanon trong dược liệu Mật nhân bằng phương pháp HPLC – UV	5	Tác giả chính	Tạp chí Dược liệu / 1859 - 4735			25, 2, 104-111	2020
59	Nghiên cứu bao phim viên nén chứa cao khô sây phun Dâm dương hoắc và Mật nhân	5	Tác giả chính	Tạp chí Y học TP. HCM / 1859 - 1779			24, 3, 432-437	2020
60	Isolation and standard establishment of astragaloside IV from <i>Radix Astragali membranacei</i>	5	Tác giả chính	Journal of Medicinal Materials / 1859 - 4735			25, 3, 135-141	2020
61	Nghiên cứu ảnh hưởng của tá dược độn maltodextrin và silicon dioxid trên tính chất cao khô sây phun Râu mèo	2	Tác giả chính	Tạp chí Dược học / 0866 - 7861			60, 530, 22-27	2020
62	Study on isolation and standard establishment of sinensetin from <i>Extractum Herba Orthosiphonis spiralis</i>	6	Tác giả chính	Journal of Medicinal Materials / 1859 - 4735			25, 3, 150-156	2020
63	Nghiên cứu mối liên quan nhân quả và tối ưu hóa quy trình chiết xuất dược liệu Dâm dương hoắc	7	Tác giả chính	Tạp chí Dược học / 0866 - 7861			60, 530, 58-62	2020

- Trong đó, số lượng bài báo khoa học đăng trên tạp chí khoa học quốc tế uy tín mà UV là tác giả chính sau khi được cấp bằng TS: 06 bài.

Lưu ý: Tách thành 2 giai đoạn: Trước và sau khi bảo vệ luận án TS đối với UV chức danh PGS; trước và sau khi được công nhận chức danh PGS đối với UV chức danh GS.

7.2. Bảng độc quyền sáng chế, giải pháp hữu ích

TT	Tên bằng độc quyền sáng chế, giải pháp hữu ích	Tên cơ quan cấp	Ngày tháng năm cấp	Tác giả chính/ đồng tác giả	Số tác giả
1	-	-	-	-	-

- Trong đó, các số TT của bằng độc quyền sáng chế, giải pháp hữu ích được cấp sau khi được công nhận PGS hoặc được cấp bằng TS: -

7.3. Giải thưởng quốc gia, quốc tế:

TT	Tên giải thưởng	Cơ quan/tổ chức ra quyết định	Số quyết định và ngày, tháng, năm	Số tác giả
1	Giải nhất Hội nghị khoa học – công nghệ tuổi trẻ các trường Đại học, cao đẳng Y Dược Việt Nam lần thứ 18.	Ban chấp hành Trung Ương Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh	Số 283-QĐ/TWĐTN Ngày 19/05/2016	2
2	Giải nhất Hội thi sáng tạo kỹ thuật Thành phố Hồ Chí Minh	Liên hiệp các hội khoa học và kỹ thuật TP.HCM	Số 12-11/QĐ-HT/LHH/2011 Ngày 03/06/2011	8
3	Giải ba Hội nghị Khoa học Kỹ Thuật tuổi trẻ các trường Y Dược Việt Nam lần 15	Ban Chấp hành Trung Ương Đoàn TNCS Hồ Chí Minh	Số 205/QĐ/TWĐTN Ngày 13/05/2010	2

Trong đó, các số TT giải thưởng quốc gia, quốc tế sau khi được cấp bằng TS: 01 giải thưởng.

7.4. Tác phẩm nghệ thuật, thành tích huấn luyện, thi đấu thể dục thể thao đạt giải thưởng quốc gia, quốc tế

TT	Tên tác phẩm nghệ thuật, thành tích	Cơ quan/tổ chức công nhận	Văn bản công nhận (số, ngày, tháng, năm)	Cấp Quốc gia/Quốc tế	Số tác giả
1	-	-	-	-	-

- Trong đó, các số TT tác phẩm nghệ thuật, thành tích huấn luyện, thi đấu đạt giải thưởng quốc gia, quốc tế sau khi được cấp bằng TS:

8. Chủ trì hoặc tham gia xây dựng, phát triển chương trình đào tạo hoặc chương trình nghiên cứu, ứng dụng khoa học công nghệ của cơ sở giáo dục đại học đã được đưa vào áp dụng thực tế:

Trong lĩnh vực Bào chế, tôi tích cực tham gia giảng dạy và xây dựng chương trình các môn học được phân công như chuyên đề Sản xuất cao thuốc thuộc học phần Sản xuất thuốc 2, học phần Thực hành Dược khoa, học phần Thực tập Bào chế 1 và học phần Thực tập Bào chế 2 cho sinh viên Dược hệ chính quy và Văn bằng 2. Tôi luôn đổi mới nội dung và phương pháp giảng dạy để không ngừng nâng cao tính tích cực và chủ động học tập của sinh viên. Hằng năm, tôi hướng dẫn ít nhất 1 sinh viên làm luận văn tốt nghiệp và thường xuyên hướng dẫn học viên cao học làm luận văn tốt nghiệp thạc sĩ.

9. Các tiêu chuẩn không đủ so với quy định, đề xuất công trình khoa học (CTKH) thay thế*:

a) Thời gian được bổ nhiệm PGS

Được bổ nhiệm PGS chưa đủ 3 năm, còn thiếu (số lượng năm, tháng):

b) Hoạt động đào tạo

- Thâm niên đào tạo chưa đủ 6 năm, còn thiếu (số lượng năm, tháng):

- Giờ giảng dạy

+ Giờ giảng dạy trực tiếp trên lớp không đủ, còn thiếu (năm học/số giờ thiếu):

2014-2015/67,5 2015-2016/67,5 2016-2017/67,5.

+ Giờ chuẩn giảng dạy không đủ, còn thiếu (năm học/số giờ thiếu):

2014-2015/85; 2016-2017/85

c) Nghiên cứu khoa học

- Đã chủ trì 01 nhiệm vụ KH&CN cấp Bộ (UV chức danh GS)

Đề xuất CTKH để thay thế tiêu chuẩn chủ trì 01 nhiệm vụ KH&CN cấp Bộ bị thiếu:

- Đã chủ trì 01 nhiệm vụ KH&CN cấp cơ sở (UV chức danh PGS)

Đề xuất CTKH để thay thế tiêu chuẩn chủ trì 01 nhiệm vụ KH&CN cấp cơ sở bị thiếu:

- Không đủ số CTKH là tác giả chính:

+ Đối với ứng viên chức danh GS, đã công bố được: 03 CTKH ; 04 CTKH

Đề xuất sách CK/chương sách XB quốc tế thay thế cho việc UV không đủ 05 CTKH là tác giả chính theo quy định:

+ Đối với ứng viên chức danh PGS, đã công bố được: 02 CTKH

Đề xuất sách CK/chương sách XB quốc tế thay thế cho việc UV không đủ 03 CTKH là tác giả chính theo quy định:

(*) Các công trình khoa học thay thế không được tính vào tổng điểm.

C. CAM ĐOAN CỦA NGƯỜI ĐĂNG KÝ XÉT CÔNG NHẬN ĐẠT TIÊU CHUẨN CHỨC DANH:

Tôi cam đoan những điều khai trên là đúng, nếu sai tôi xin chịu trách nhiệm trước pháp luật.

TP. Hồ Chí Minh, ngày 26 tháng 6 năm 2020

NGƯỜI ĐĂNG KÝ



Nguyễn Đức Hạnh